

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
TỔ CÔNG TÁC CỦA TTgCP

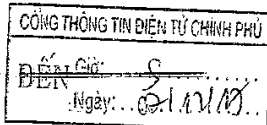
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/BC-TCTTTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao
11 tháng năm 2017 và kết quả kiểm tra tháng 11 năm 2017



I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO 11 THÁNG 2017

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/11/2017, có tổng số 16.956 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Trong đó, có 10.765 nhiệm vụ đã hoàn thành (đúng hạn: 9.145, quá hạn: 1.620); 6.191 nhiệm vụ chưa hoàn thành (trong hạn: 5.907, quá hạn: 284 - chiếm 2,6%, giảm 0,2% so với tháng trước) (có phụ lục kèm theo).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA TỔ CÔNG TÁC THÁNG 11 NĂM 2017

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy năm 2017 là năm cắt giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp, trong tháng 11, Tổ công tác tiếp tục kiểm tra chuyên đề đối với các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải trong việc thực hiện các nhiệm vụ giao liên quan đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành (KTCN) đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Tổ công tác xin báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả kiểm tra như sau:

1. Kết quả kiểm tra tại Bộ Thông tin và Truyền thông

Với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các mặt công tác, cụ thể: Cơ bản hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (từ ngày 01/01/2017 - 10/10/2017, có tổng số 528 nhiệm vụ giao Bộ. Trong đó, đã hoàn thành 308 nhiệm vụ; 217 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện trong hạn; 03 nhiệm vụ chưa hoàn thành quá hạn); công tác xây dựng thể chế ngày càng được hoàn thiện (10 tháng năm 2017, Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 05 Nghị định, 09 Quyết định; ban hành 29 thông tư theo thẩm quyền; trình Thủ tướng Chính phủ 17 Đề án); có nhiều biện pháp chỉ đạo cụ thể, quyết liệt để đưa các hoạt động thông tin về chính sách, pháp luật, đời sống kinh tế - xã hội đi đúng hướng, kịp thời, minh bạch, tạo ra sự đồng thuận và tác động tích cực tới người dân và doanh nghiệp; phối hợp kịp thời với cơ quan chức năng ngăn chặn, xử lý những thông tin sai sự thật, kích động chống phá, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của nhân dân; có nhiều giải pháp hiệu quả

trong công tác quản lý nhà nước về báo chí, viễn thông, quản lý tài nguyên viễn thông,... Công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có nhiều chuyển biến tích cực. Bộ đã rà soát, cắt giảm 51 thủ tục, điều kiện kinh doanh (đạt 16%) gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp; đã xây dựng và trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2014/NĐ-CP về hoạt động in (dự thảo đã bãi bỏ 9 quy định về hoạt động hợp tác chế bản, in và gia công sau in, quy định về cấp giấy phép nhập khẩu với máy móc gia công sau in; đề nghị bãi bỏ 6 nội dung quy định đối tượng được nhập khẩu thiết bị in, đối tượng sử dụng máy photocopy,... để bảo đảm quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân); đề xuất bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện (chuyên sang hậu kiểm); chủ động trong việc phân loại, tách bạch cụ thể danh mục hàng hóa phải KTCN còn chồng chéo; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thực hiện phân cấp mạnh cho địa phương trong việc thực hiện quản lý, thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến KTCN (đã phân cấp cho địa phương thực hiện 50 thủ tục hành chính).

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, một số mặt công tác của Bộ còn hạn chế, bất cập, như: Còn nợ đọng nhiệm vụ quá hạn (03 nhiệm vụ); tình trạng cơ quan báo chí và nhà báo vi phạm pháp luật, trái đạo đức nghề nghiệp nhà báo có dấu hiệu tăng lên; vấn đề an toàn thông tin; tình trạng tin nhắn rác, sim kích hoạt sẵn vẫn tồn tại... ; một số văn bản quy phạm pháp luật chưa được sửa đổi, thay thế kịp thời để phục vụ tốt công tác hậu kiểm, vẫn kiểm tra 100% lô hàng, không có loại trừ; chưa đẩy mạnh công nhận lẫn nhau...

2. Kết quả kiểm tra tại Bộ Giao thông vận tải

Với sự quyết liệt, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ, cùng với sự đoàn kết, trách nhiệm cao của các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, trong 10 tháng đầu năm 2017, Bộ Giao thông vận tải đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các mặt công tác, cụ thể: Thể chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành ngày càng được hoàn thiện (Bộ đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 06 Nghị định, 03 Quyết định; ban hành 45 thông tư theo thẩm quyền); thực hiện hiệu quả các đột phá chiến lược gắn với cơ cấu lại ngành giao thông vận tải, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh các lĩnh vực của ngành; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải, quản lý chất lượng công trình được tăng cường; có giải pháp hiệu quả trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính (có 246 dịch vụ công trực tuyến của Bộ đạt cấp độ 3 và cấp độ 4); đẩy nhanh tiến độ xây dựng phương án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 (đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 (Cienco5), Xây dựng công trình giao thông 8 (Cienco8), Công ty

cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải về SCIC),... Công tác KTCN đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc phạm vi của Bộ có chuyển biến rất tích cực, như: thực hiện nguyên tắc quản lý rủi ro, chuyển sang hậu kiểm 125 mặt hàng; 107 mặt hàng được công nhận, thừa nhận lẫn nhau; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử về KTCN đã giảm trung bình gần 70% thời gian và kinh phí cho doanh nghiệp so với làm hồ sơ giấy; xây dựng và ban hành 82 quy chuẩn và 27 tiêu chuẩn Việt Nam; xây dựng phương án cắt giảm 46% điều kiện kinh doanh không còn phù hợp.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, một số mặt công tác của Bộ cần tiếp tục triển khai quyết liệt, như: vấn đề thu hút vốn đầu tư vào hạ tầng giao thông; công tác chuẩn bị đầu tư, thẩm định dự án, chất lượng một số công trình giao thông; vấn đề tai nạn giao thông; tình trạng xe quá khổ, quá tải vẫn gia tăng cần được kiểm soát chặt chẽ hơn,...; công tác kiểm tra chuyên ngành còn một số bất cập, như: một số mặt hàng còn chồng chéo giữa Bộ với các Bộ khác; số mặt hàng kiểm tra trước thông quan cao (35 mặt hàng – chiếm 21,8%) so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 19/NQ-CP (giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải KTCN tại giai đoạn thông quan xuống 15%); còn một số thủ tục hành chính chưa triển khai thực hiện trên cơ chế một cửa quốc gia,...

III. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CÔNG TÁC

Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các Bộ, cơ quan, Tổ công tác xin kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ được kiểm tra trong tháng 11 và các bộ, cơ quan, địa phương triển khai một số nhiệm vụ sau:

1. Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông

- Đề nghị Bộ khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ quá hạn như đã cam kết, cụ thể:

+ Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đề xuất bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện tại Thông tư số 18/2014/TT-BTTTT, hoàn thành trước 15 tháng 12 năm 2017.

+ Ban hành Thông tư quy định hoạt động giám sát và cảnh báo an toàn mạng, hoàn thành trong tháng 12 năm 2017.

+ Trình ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 26/2007/NĐ-CP, hoàn thành trước 15 tháng 12 năm 2017.

- Tiếp tục có giải pháp quyết liệt chấn chỉnh, giám sát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động báo chí và quy định đạo đức nghề nghiệp nhà báo; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm sai phạm của các cơ quan báo chí, người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc ấn phẩm báo chí để bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa.

- Chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp để đẩy mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, thúc đẩy phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và các sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số nhằm tiếp cận và tận dụng lợi thế của cuộc cách mạng 4.0,...

- Có có giải pháp hiệu quả thúc đẩy các Bộ, cơ quan, địa phương chuyển động mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ gắn với hoạt động cải cách hành chính; hỗ trợ, phối hợp với các địa phương đẩy mạnh việc triển khai xây dựng Thành phố thông minh.

- Tập trung nghiên cứu giải pháp hiệu quả bảo đảm an toàn thông tin, đặc biệt là ngăn chặn hiệu quả việc tấn công vào các trang thông tin điện tử của các bộ, ngành, địa phương; kịp thời hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương ứng phó trước các nguy cơ tấn công từ bên ngoài qua mạng Internet, giữ vững chủ quyền quốc gia về không gian mạng, hạn chế tối đa sự thiệt hại, rủi ro theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 15/CT-TTg về đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Tập trung chỉ đạo triển khai việc đầu tư, sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp thuộc Bộ theo đúng các quy định hiện hành, bảo toàn tối đa vốn của nhà nước. Đặc biệt, cần có giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin của Bộ phát triển mạnh và bền vững.

- Tiếp tục có giải pháp quyết liệt, hiệu quả hơn nữa trong việc ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác, hệ lụy tin nhắn rác, thu hồi SIM kích hoạt sẵn; có cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển thuê bao di động trả sau.

2. Đối với Bộ Giao thông vận tải

- Khẩn trương nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các cơ chế, chính sách cụ thể để huy động các nguồn lực xã hội, thu hút nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân vào phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT, PPP (bao gồm cả hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, hàng không), nhất là các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như: dự án sân bay quốc tế Long Thành, đường cao tốc Bắc – Nam,... để thúc đẩy phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển, hội nhập kinh tế trong khu vực và thế giới.

- Có biện pháp hiệu quả nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ chất lượng gắn với đẩy nhanh tiến độ thi công công trình; tập trung xử lý các tồn tại, bất cập tại các trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 535/TB-VPCP ngày 17 tháng 11 năm 2017.

- Có biện pháp quyết liệt trong việc thực hiện thu phí tự động không dừng, nếu doanh nghiệp nào không thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2017, kiên quyết cho dừng thu phí.

- Chủ động rà soát tổng thể các mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ, logistic và đề xuất mức giá phù hợp và công khai, minh bạch trong cách tính mức giá dịch vụ logistics liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải để các doanh nghiệp logistics tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; khẩn trương chuẩn bị nội dung tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ tổ chức hội nghị bàn về giải pháp giảm chi phí dịch vụ logistics trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách trong việc huy động, thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt; có biện pháp chỉ đạo cụ thể đối với Tổng công ty đường sắt Việt Nam thay đổi căn bản mô hình sản xuất kinh doanh, tư duy trong trong điều hành, quản trị doanh nghiệp phù hợp với mô hình cổ phần hóa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thu hút khách hàng trở lại với vận tải đường sắt.

- Đối với các vấn đề: giảm, kiểm chế tai nạn giao thông; kiểm soát tải trọng xe; phối hợp với cơ quan liên quan trong xử lý triệt để “xe dù, bến cóc”, đề nghị Bộ tiếp tục triển khai thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25 tháng 7 năm 2017, Thông báo số 507/TB-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 và các kiến nghị của Tổ công tác tại văn bản số 197/BC-TCTTTg ngày 05 tháng 4 năm 2017.

3. Đối với lĩnh vực kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Tổ công tác đề nghị các Bộ được kiểm tra trong tháng 11:

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến kiểm tra chuyên ngành theo hướng một mặt hàng chỉ điều chỉnh bởi một văn bản và do một đơn vị chức năng thuộc Bộ làm đầu mối (chủ trì) chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định về miễn kiểm tra với giới hạn số lượng cụ thể đối với hàng hóa nhập khẩu sử dụng vào mục đích trưng bày, giới thiệu sản phẩm mới, làm mẫu, chạy thử, đối tượng nghiên cứu khoa học và các hàng hóa nhập khẩu không tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

- Đẩy mạnh việc thừa nhận kết quả chứng nhận hợp quy của các tổ chức chứng nhận nước ngoài có uy tín đã được quốc tế công nhận làm cơ sở đánh giá chất lượng hàng hóa trước khi nhập khẩu; quy định miễn, giảm kiểm tra đối với hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành theo hướng cắt giảm các thành phần hồ sơ, giấy tờ không cần thiết, không hợp lý, trùng lặp giữa các thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất,

kinh doanh của doanh nghiệp; tiếp tục rà soát, cắt giảm các mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành trước thông quan, chuyển mạnh sang hậu kiểm, áp dụng quản lý rủi ro theo mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

- Khẩn trương kết nối và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu mà Bộ đã đăng ký thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

4. Đối với các Bộ, cơ quan, địa phương

- Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, đã công bố phương án cắt giảm, đơn giản các điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ (riêng Bộ Công Thương đang xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị định sửa nhiều Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

Đề nghị các Bộ, cơ quan, địa phương phát huy tinh thần chủ động, tích cực của các Bộ nêu trên, khẩn trương rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa hoặc xem xét bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan, địa phương mình còn gây khó khăn, vướng mắc, cản trở đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp để kiến nghị, đề xuất cắt giảm, bãi bỏ hoặc cắt giảm, xem xét bãi bỏ theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm và quyết liệt hơn nữa trong công tác hoàn thiện thể chế, bảo đảm đúng tiến độ, thời gian và tính hiệu lực, hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật. Từ ngày 01/01/2018 sẽ có 10 Luật có hiệu lực thi hành, các Bộ phải trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 40 văn bản quy định chi tiết thi hành (36 Nghị định và 04 Quyết định). Đến nay Bộ Công an đã trình Chính phủ ban hành được 04 Nghị định; các Bộ đã trình 18 văn bản quy định chi tiết (hiện đang xử lý); còn 18 văn bản quy định chi tiết chưa trình: Bộ Tài chính: 5; Bộ Công Thương: 4; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 2; Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 3; Bộ Công an: 2; Bộ Quốc phòng: 1; Bộ Tư pháp: 1. Đề nghị các Bộ khẩn trương xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành để bảo đảm có hiệu lực đồng bộ với các Luật sẽ có hiệu lực thi hành.

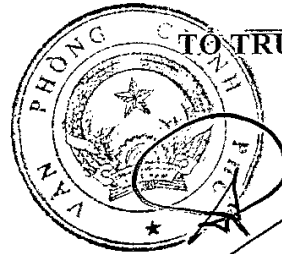
- Đối với các Bộ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Khẩn trương rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành để bảo đảm loại bỏ ít nhất 50% số mặt hàng thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành trước thông quan so với hiện nay; xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; đề xuất cụ thể cách thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành (đề xuất cụ thể giao Bộ chủ trì, Bộ phối hợp) đối với danh mục hàng hóa phải KTCN hiện đang chồng chéo giữa Bộ mình với các Bộ khác, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo kết quả kiểm tra tháng 11 năm 2017 của Tổ công tác đã được báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trình Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 vào ngày 01 tháng 12 năm 2017. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác đề nghị các Bộ, cơ quan, địa phương căn cứ vào nội dung của Báo cáo này, triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến Bộ, cơ quan, địa phương mình và báo cáo Tổ công tác kết quả thực hiện trước ngày 25 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc T.Ư;
- Các thành viên Tổ công tác;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, đơn vị: KGVX, CN, KTTH, NN, PL, QHQT, ĐMDN, V.I, NC, KSTTHC, Công thông tin điện tử CP;
- Lưu: VT, TCTTTg (3b).L 120



BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
Mai Tiến Dũng

KẾT QUẢ

Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương

(Từ 01/01/2017 - 30/11/2017)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Bộ Công an	142	186	70	36	78	2
2	Bộ Quốc phòng	124	191	72	38	76	5
3	Văn phòng Chính phủ	43	53	53	0	0	0
4	Bộ Ngoại giao	67	114	32	0	81	1
5	Bộ Nội vụ	179	272	129	20	122	1
6	Bộ Tư pháp	106	166	130	6	30	0
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	471	782	149	274	349	10
8	Bộ Tài chính	580	792	424	197	168	3
9	Bộ Công Thương	362	586	350	37	199	0
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	321	477	356	51	70	0
11	Bộ Giao thông vận tải	381	580	363	63	149	5
12	Bộ Xây dựng	229	321	252	25	44	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	336	478	326	52	90	10
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	135	222	137	12	73	0
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	170	264	172	12	80	0
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	120	202	162	12	25	3
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	136	228	110	17	101	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	162	242	76	32	133	1
19	Bộ Y tế	124	241	35	31	168	7
20	Ủy ban Dân tộc	79	119	31	7	80	1
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	159	578	464	46	68	0
22	Thanh tra Chính phủ	131	184	52	62	64	6
23	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1	1	0	0	1	0
24	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	9	17	3	2	11	1
25	Đài Tiếng nói Việt Nam	11	11	0	0	9	2
26	Đài Truyền hình Việt Nam	9	9	0	0	7	2
27	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	3	12	0	0	12	0
28	Thông tấn xã Việt Nam	6	6	0	0	6	0
29	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	5	5	1	0	3	1

30	UBND Thành phố Hà Nội	160	244	16	43	177	8
31	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	161	233	149	44	20	20
32	UBND Thành phố Hải Phòng	81	148	129	2	17	0
33	UBND Thành phố Đà Nẵng	88	155	38	4	96	17
34	UBND Thành phố Cần Thơ	76	141	123	5	13	0
35	UBND Cao Bằng	71	136	74	3	58	1
36	UBND Lạng Sơn	73	139	104	21	14	0
37	UBND Lai Châu	71	135	67	5	63	0
38	UBND Điện Biên	68	133	30	11	90	2
39	UBND Hà Giang	73	137	69	8	60	0
40	UBND Sơn La	75	140	77	9	48	6
41	UBND Tuyên Quang	73	139	94	12	30	3
42	UBND Yên Bái	72	141	107	10	19	5
43	UBND Lào Cai	77	143	9	9	117	8
44	UBND Bắc Kạn	73	138	29	5	88	16
45	UBND Thái Nguyên	79	145	82	11	62	0
46	UBND Phú Thọ	72	137	79	5	51	2
47	UBND Vĩnh Phúc	90	155	60	14	74	7
48	UBND Bắc Giang	74	138	102	1	35	0
49	UBND Bắc Ninh	78	155	32	5	118	0
50	UBND Hòa Bình	71	136	88	3	44	1
51	UBND Quảng Ninh	78	144	128	12	3	1
52	UBND Hải Dương	77	142	6	5	118	13
53	UBND Hưng Yên	72	136	96	7	33	0
54	UBND Thái Bình	78	144	141	0	3	0
55	UBND Hà Nam	76	139	45	4	87	3
56	UBND Nam Định	79	144	69	0	75	0
57	UBND Ninh Bình	73	150	12	10	125	3
58	UBND Thanh Hóa	75	125	60	0	65	0
59	UBND Nghệ An	81	147	3	12	125	7
60	UBND Hà Tĩnh	85	155	83	15	56	1
61	UBND Quảng Bình	85	157	143	1	13	0
62	UBND Quảng Trị	83	152	57	18	73	4
63	UBND Thừa Thiên Huế	80	150	122	8	20	0
64	UBND Quảng Nam	90	157	142	4	11	0
65	UBND Quảng Ngãi	80	148	124	7	17	0
66	UBND Bình Định	79	145	142	11	2	0
67	UBND Phú Yên	79	144	121	6	17	0
68	UBND Khánh Hòa	83	155	7	17	130	1
69	UBND Ninh Thuận	74	139	100	8	31	0

70	UBND Bình Thuận	80	150	123	3	24	0
71	UBND Gia Lai	87	157	125	5	27	0
72	UBND Kon Tum	75	139	112	6	19	2
73	UBND Đắk Lắk	85	150	99	18	30	3
74	UBND Đắk Nông	80	145	43	16	86	0
75	UBND Lâm Đồng	83	148	70	13	61	4
76	UBND Đồng Nai	87	154	36	17	100	1
77	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	77	141	105	14	16	6
78	UBND Long An	84	150	68	9	66	7
79	UBND Tây Ninh	72	137	62	14	58	3
80	UBND Bình Dương	80	149	134	2	13	0
81	UBND Bình Phước	76	146	10	6	117	13
82	UBND Tiền Giang	77	142	82	15	42	3
83	UBND Bến Tre	76	145	127	5	13	0
84	UBND Hậu Giang	72	139	54	12	70	3
85	UBND Sóc Trăng	74	141	86	10	42	3
86	UBND Đồng Tháp	74	139	60	1	78	0
87	UBND Vĩnh Long	61	124	107	9	8	0
88	UBND Trà Vinh	71	136	99	11	24	2
89	UBND An Giang	79	145	48	2	95	0
90	UBND Kiên Giang	80	147	105	18	20	4
91	UBND Bạc Liêu	74	138	55	14	64	5
92	UBND Cà Mau	77	143	79	13	51	0
93	Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ	2	2	0	0	0	2
94	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	5	9	8	0	1	0
95	Tập đoàn Viễn thông Quân đội	2	3	1	0	2	0
96	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	2	3	0	0	3	0
97	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	1	2	0	0	2	0
98	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	8	19	0	0	18	1
99	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	21	26	0	0	24	2
100	Tập đoàn Dệt - May Việt Nam	6	11	0	0	11	0
101	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	154	154	139	0	15	1
102	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	4	5	0	0	5	0
103	Tổng công ty Cà Phê Việt Nam	2	3	0	0	3	0
104	Tổng công ty Dầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6	6	0	0	4	2
105	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	2	7	0	0	7	0
106	Tổng công ty Giấy Việt Nam	1	2	0	0	2	0
107	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	1	2	0	0	2	0
108	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	3	6	0	0	6	0
109	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	2	3	0	0	3	0

110	Tổng công ty Lương thực miền Nam	3	4	0	0	3	1
111	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	1	2	0	0	2	0
112	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	2	3	0	0	3	0
113	Tổng công ty Thép Việt Nam	2	3	0	0	3	0
114	Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam	1	2	0	0	2	0
115	Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam	1	2	0	0	2	0
116	Tập đoàn hàng Phát triển Việt Nam	3	3	0	0	3	0
117	Ngân hàng Chính sách xã hội	6	6	0	0	4	2
118	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	4	6	0	0	4	2
119	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	1	1	0	0	1	0
120	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1	0	0	1	0
121	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	4	4	0	0	4	0
122	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1	0	0	0	1
123	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1	0	0	0	1
124	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	2	2	0	0	1	1
125	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1	0	0	0	1
126	Tòa án nhân dân tối cao	1	1	0	0	1	0
127	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	6	6	0	0	3	3
128	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	10	17	0	0	15	2
129	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	1	4	0	0	4	0
130	Hội Khuyến học Việt Nam	1	2	0	0	2	0
131	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	4	5	0	0	3	2
132	Đại học Quốc gia Hà Nội	3	6	0	0	5	1
133	Kiểm toán Nhà nước	4	4	0	0	3	1
134	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	1	0	0	0	1
135	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	2	0
136	Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN	3	3	0	0	0	3
137	Tổng hội Y học Việt Nam	1	1	0	0	1	0
138	Ban Tôn giáo Chính phủ	1	1	0	0	1	0
139	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	4	4	0	0	0	4
140	Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	1	1	0	0	0	1
141	Ủy ban Biên giới Quốc gia	1	1	0	0	0	1
142	Liên Hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam	1	3	0	0	3	0
143	BCĐ Phòng Chống lụt bão Trung ương	3	4	0	0	4	0
Tổng số			16956	9145	1620	5907	284